



CK.0000070695

NGÔ HỮU PHƯỚC – Th.S LÊ ĐỨC PHƯƠNG
KHOA LUẬT QUỐC TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

VĂN BẢN LUẬT QUỐC TẾ

VÀ VĂN BẢN PHÁP LUẬT VIỆT NAM PHỤC VỤ HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU MÔN

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN
CỦA LUẬT QUỐC TẾ



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

**VĂN BẢN
LUẬT QUỐC TẾ
VÀ VĂN BẢN PHÁP LUẬT VIỆT NAM
PHỤC VỤ HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU
MÔN MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN
CỦA LUẬT QUỐC TẾ**

TS. NGÔ HỮU PHƯỚC - Th.S LÊ ĐỨC PHƯƠNG
KHOA LUẬT QUỐC TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

VĂN BẢN
LUẬT QUỐC TẾ
VÀ VĂN BẢN PHÁP LUẬT VIỆT NAM
PHỤC VỤ HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU MÔN
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN
CỦA LUẬT QUỐC TẾ

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Luật quốc tế là một hệ thống pháp luật bao gồm tổng thể các nguyên tắc và quy phạm được xây dựng bởi các chủ thể luật quốc tế như quốc gia, tổ chức quốc tế liên chính phủ, dân tộc đang đấu tranh giành quyền tự quyết nhằm điều chỉnh mối quan hệ quốc tế trên nhiều lĩnh vực phát sinh giữa các chủ thể luật quốc tế.

Trong hệ thống nguồn của luật quốc tế hiện đại, bên cạnh các tập quán quốc tế, các văn bản pháp luật nhất là các điều ước quốc tế được ký kết ngày càng nhiều và trở thành phương tiện pháp lý quan trọng trong việc điều chỉnh các quan hệ quốc tế.

Để thực hiện đường lối đối ngoại đa dạng hóa, đa phương hóa, hội nhập sâu và rộng vào đời sống quốc tế, Việt Nam cũng đã tham gia, ký kết nhiều văn kiện quốc tế quan trọng, đồng thời ban hành nhiều văn bản pháp luật nhằm nội luật hóa và thực hiện các cam kết quốc tế đó.

Với mục đích phục vụ hoạt động tìm hiểu, học tập, giảng dạy, nghiên cứu luật quốc tế, Nhà Xuất Bản Lao Động phối hợp với TS. Ngô Hữu Phước - Trưởng bộ môn Luật quốc tế và ThS. Lê Đức Phương-Giảng viên Khoa Luật quốc tế Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh giới thiệu cuốn **“VĂN BẢN LUẬT QUỐC TẾ VÀ VĂN BẢN PHÁP LUẬT VIỆT NAM PHỤC VỤ HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU MÔN MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA LUẬT QUỐC TẾ”**. Trong cuốn sách này, các tác giả đã tập hợp, biên tập, biên dịch một số văn bản luật quốc tế và văn bản pháp luật Việt Nam liên quan đến nội dung của môn học Một số vấn đề cơ bản của luật quốc tế thuộc chương trình đào tạo Cử nhân Luật tại Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.

Trân trọng giới thiệu và chân thành cảm ơn ý kiến đóng góp xây dựng của Quý vị để cuốn sách này hoàn thiện hơn trong những lần tái bản sau.

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

MỤC LỤC

PHẦN I: VĂN BẢN PHÁP LUẬT QUỐC TẾ

1. TUYÊN NGÔN THẾ GIỚI VỀ QUYỀN CON NGƯỜI (1948).....8
2. CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ CÁC QUYỀN DÂN SỰ VÀ CHÍNH TRỊ (1966).....13
3. CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ CÁC QUYỀN KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ VĂN HÓA (1966).....29
4. CÔNG ƯỚC VỀ QUY CHẾ NGƯỜI KHÔNG QUỐC TỊCH (1954)38
5. CÔNG ƯỚC VỀ GIẢM TÌNH TRẠNG KHÔNG QUỐC TỊCH (1961)48
6. CÔNG ƯỚC CỦA LIÊN HỢP QUỐC VỀ LUẬT BIỂN (1982)..... 55
7. CÔNG ƯỚC VIÊN VỀ QUAN HỆ NGOẠI GIAO (1961).....119
8. CÔNG ƯỚC VIÊN VỀ QUAN HỆ LÃNH SỰ (1963).....132
9. HIỆP ƯỚC BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN GIỮA NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM VÀ NƯỚC CHND TRUNG HOA (1999)154
10. HIỆP ĐỊNH VỀ VÙNG NƯỚC LỊCH SỬ CỦA NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM VÀ NƯỚC CHND CAMPUCHIA (1982).....169
11. HIỆP ĐỊNH THÀNH LẬP TỔNG LÃNH SỰ QUẢN VIỆT NAM TẠI THÀNH PHỐ NAM NINH VÀ THÀNH PHỐ CÔN MINH GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ CHND TRUNG HOA (2003).....171

PHẦN 2: VĂN BẢN PHÁP LUẬT VIỆT NAM

12. LUẬT BIÊN GIỚI QUỐC GIA (2003).....172
13. NGHỊ ĐỊNH SỐ 140/2004/NĐ-CP NGÀY 25/6/2004 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT BIÊN GIỚI QUỐC GIA 181
14. TUYÊN BỐ CỦA CHÍNH PHỦ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM VỀ LÃNH HẢI, VÙNG TIẾP GIÁP LÃNH HẢI, VÙNG ĐẶC QUYỀN KINH TẾ VÀ THÊM LỤC ĐỊA CỦA VIỆT NAM NGÀY 12-5-1977.....192
15. TUYÊN BỐ CỦA CHÍNH PHỦ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM VỀ ĐƯỜNG CƠ SỞ DỪNG ĐỂ TÍNH CHIỀU RỘNG LÃNH HẢI VIỆT NAM NGÀY 12-11-1982.....194
16. TUYÊN BỐ CỦA CHÍNH PHỦ NƯỚC CHXH VIỆT NAM VỀ VÙNG TRỜI VIỆT NAM NGÀY 5-6-1984.....195
17. LUẬT BIỂN VIỆT NAM 2012196

18.	NGHỊ ĐỊNH SỐ 104/2012/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ NGÀY 05/12/2012 VỀ QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI TÀU QUÂN SỰ NƯỚC NGOÀI ĐẾN THĂM NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM.....	213
19.	LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM 2008	254
20.	NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ SỐ 78/2009/NĐ-CP NGÀY 22-9-2009 QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM	268
21.	LUẬT CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI 2009.....	280
22.	PHÁP LỆNH VỀ QUYỀN ƯU ĐÃI, MIỄN TRỪ DÀNH CHO CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NGOẠI GIAO, CƠ QUAN LÃNH SỰ VÀ CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM 1993	293
23.	NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/CP NGÀY 30/7/1994 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH PHÁP LỆNH VỀ QUYỀN ƯU ĐÃI, MIỄN TRỪ DÀNH CHO CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NGOẠI GIAO, CƠ QUAN LÃNH SỰ NƯỚC NGOÀI VÀ CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM.....	307
24.	QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ SỐ 119/2007/QĐ-TTg NGÀY 25 THÁNG 7 NĂM 2007 VỀ VIỆC THÀNH LẬP QUỸ BẢO HỘ CÔNG DÂN VÀ PHÁP NHÂN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI.....	312

PHẦN I: VĂN BẢN PHÁP LUẬT QUỐC TẾ

1. TUYÊN NGÔN THẾ GIỚI VỀ QUYỀN CON NGƯỜI (1948)

Lời nói đầu

Xét rằng việc thừa nhận phẩm giá vốn có và những quyền bình đẳng bất di bất dịch của tất cả các thành viên trong đại gia đình nhân loại là nền tảng của tự do, công lý và hòa bình thế giới,

Xét rằng việc coi thường và xâm phạm nhân quyền đã dẫn đến những hành động dã man xúc phạm đến lương tâm nhân loại, và việc đạt tới một thế giới trong đó mọi người được hưởng tự do ngôn luận và tự do tín ngưỡng, được giải thoát khỏi sự sợ hãi và đói nghèo đã được tuyên bố như là khát vọng cao cả nhất của con người,

Xét rằng điều cốt yếu là nhân quyền phải được bảo vệ bằng luật pháp, để con người không bị bắt buộc phải nổi dậy chống khỏi phải nổi dậy chống lại sự độc tài và áp bức như là phương sách cuối cùng,

Xét rằng điều cốt yếu là phải phát triển những mối quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia,

Xét rằng trong Hiến Chương Liên Hiệp Quốc, các dân tộc đã tái xác nhận niềm tin của mình vào những nhân quyền căn bản, vào nhân phẩm và giá trị của mỗi con người, vào quyền bình đẳng nam nữ, và đã cùng quyết tâm thúc đẩy tiến bộ xã hội và xây dựng các điều kiện sống tốt hơn trong một môi trường tự do hơn,

Xét rằng các quốc gia thành viên đã cam kết hợp tác với Liên Hiệp Quốc để thúc đẩy sự tôn trọng chung và thực thi trên toàn cầu các quyền và những tự do căn bản của con người,

Xét rằng một nhận thức chung về các quyền và những tự do này là điều quan trọng nhất để thực hiện trọn vẹn cam kết ấy.

Vì vậy, từ giờ phút này Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc công bố bản Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền này như mục tiêu chung cho tất cả các dân tộc và quốc gia phấn đấu đạt tới để nhằm mục đích sao cho mỗi cá nhân, mỗi tổ chức xã hội luôn nhớ tới bản Tuyên ngôn này, nỗ lực phát huy sự tôn trọng các quyền và những tự do cơ bản bằng học vấn và giáo dục, và bằng những biện pháp tiến bộ trên bình diện quốc gia và quốc tế, bảo đảm sự thừa nhận, tuân thủ chung và hữu hiệu trên toàn cầu các quyền tự do này cho các dân tộc thuộc các quốc gia thành viên hay các dân tộc thuộc các lãnh thổ bị giám hộ.

Điều 1: Mọi người sinh ra đều tự do và bình đẳng về phẩm giá và các quyền, có lý trí và lương tri, và cần phải đối xử với nhau trong tình bác ái.

1 Universal Declaration of Human Rights (UDHR), được thông qua tại Đại hội đồng LHQ theo Nghị quyết số 217A (III) vào ngày 10 tháng 12 năm 1948 tại Palais de Chaillot ở Paris (Pháp). Nguồn: <http://www.undocuments.org> (Bản dịch không chính thức từ phiên bản tiếng Anh).

Điều 2: Ai cũng được hưởng tất cả các quyền và tự do nêu trong bản Tuyên ngôn này, không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào về chủng tộc, màu da, nam nữ, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến hay quan niệm, nguồn gốc dân tộc hay xã hội, tài sản, dòng dõi hay bất cứ thân trạng nào khác.

Hơn nữa không được đặt ra sự phân biệt đối xử dựa trên quy chế chính trị, pháp lý quốc tế của quốc gia hay lãnh thổ mà người đó trực thuộc, dù là quốc gia độc lập, bị giám hộ, mất chủ quyền hay bị hạn chế chủ quyền.

Điều 3: Ai cũng có quyền được sống, quyền tự do và an toàn thân thể.

Điều 4: Không ai có thể bị bắt làm nô lệ hay bị nô dịch; chế độ nô lệ và sự buôn bán nô lệ dưới mọi hình thức đều bị cấm.

Điều 5: Không ai có thể bị tra tấn hay bị những hình phạt hoặc những đối xử tàn ác, vô nhân đạo, làm hạ thấp nhân phẩm.

Điều 6: Ai cũng có quyền được công nhận là con người trước pháp luật bất cứ tại đâu.

Điều 7: Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ bình đẳng không có bất kỳ sự phân biệt nào. Mọi người đều bình đẳng có quyền được bảo vệ chống lại mọi sự phân biệt kỳ thị hay bất kỳ sự kích động phân biệt nào trái với Bản Tuyên Ngôn này.

Điều 8: Ai cũng có quyền yêu cầu tòa án quốc gia có thẩm quyền bảo vệ với phương tiện pháp lý có hiệu lực chống lại những hành động vi phạm những quyền căn bản được Hiến pháp và luật pháp công nhận.

Điều 9: Không ai có thể bị bắt giữ, giam cầm hay dằn ải một cách vô cớ.

Điều 10: Ai cũng được hưởng quyền bình đẳng, được xét xử công bằng và công khai bởi một tòa án độc lập và vô tư trong việc quyết định về những quyền lợi và nghĩa vụ của mình cũng như bất cứ sự buộc tội nào đối với họ.

Điều 11:

1. Mỗi bị cáo dù đã bị buộc tội về một tội hình sự có quyền được suy đoán là vô tội cho đến khi có đủ bằng chứng chứng minh là phạm tội theo luật pháp tại một phiên tòa xét xử công khai với đầy đủ bảo đảm cần thiết cho quyền biện hộ.

2. Không ai bị coi là phạm tội về bất cứ hành động hoặc không hành động nào đã xảy ra vào thời điểm mà theo luật quốc gia hay luật quốc tế không cấu thành một tội hình sự. Tương tự như vậy, không ai bị tuyên phạt một hình phạt nặng hơn hình phạt được áp dụng vào thời điểm thực hiện hành vi phạm tội.

Điều 12: Không ai có thể bị can thiệp một cách vô cớ vào đời tư, gia đình, nhà ở, thư tín, hay bị xúc phạm đến danh dự hay uy tín cá nhân. Ai cũng có quyền được luật pháp bảo vệ chống lại sự can thiệp và xâm phạm như vậy.

Điều 13:

1. Ai cũng có quyền tự do di lại và tự do cư trú trong phạm vi một quốc gia.

2. Ai cũng có quyền rời khỏi bất cứ quốc gia nào, kể cả quốc gia của mình, và có quyền trở lại quốc gia của mình.

Điều 14:

1. Khi bị đàn áp, ai cũng có quyền tìm nơi tị nạn và được hưởng quy chế tị nạn tại các quốc gia khác.

2. Quyền này không được viện dẫn trong trường hợp sự bị truy nã thực sự vì những tội không có tính chất chính trị hay vì những hành động trái với nguyên tắc và mục đích của Liên Hiệp Quốc.

Điều 15:

1. Ai cũng có quyền có một quốc tịch.

2. Không ai có thể bị tước quốc tịch một cách vô cơ hay bị từ chối quyền được thay đổi quốc tịch một cách vô cơ.

Điều 16:

1. Đến tuổi thành hôn, nam và nữ có quyền kết hôn và xây dựng gia đình mà không có bất kỳ sự ngăn cấm nào vì lý do chủng tộc, quốc tịch hay tôn giáo. Họ có quyền bình đẳng khi kết hôn, trong thời gian chung sống cũng như khi ly hôn.

2. Chỉ được thực hiện việc kết hôn với sự đồng ý hoàn toàn và tự nguyện của hai người kết hôn.

3. Gia đình là đơn vị tự nhiên và căn bản của xã hội, và phải được xã hội và Nhà nước bảo vệ.

Điều 17:

1. Ai cũng có quyền sở hữu tài sản riêng của mình hoặc sở hữu chung với người khác.

2. Không ai có thể bị tước đoạt tài sản một cách vô cơ.

Điều 18: Ai cũng có quyền tự do tư tưởng, tự do nhận thức và tự do tôn giáo; quyền này bao gồm cả quyền tự do thay đổi tôn giáo hay tín ngưỡng và quyền tự do thể hiện tôn giáo hay tín ngưỡng bằng cách truyền giảng, hành đạo, thờ phụng và tuân thủ các nghi lễ, hoặc riêng mình hoặc với người khác, tại nơi công cộng hay riêng tư.

Điều 19: Ai cũng có quyền tự do ngôn luận và tự do phát biểu quan điểm; quyền này bao gồm quyền tự do giữ quan điểm không bị ai can thiệp, và quyền tự do tìm kiếm, tiếp nhận và chia sẻ các ý tưởng và thông tin bằng mọi phương tiện không có biên giới.

Điều 20:

1. Ai cũng có quyền tự do hội họp và lập hội có tính chất hòa bình.

2. Không ai bị bắt buộc phải gia nhập vào bất cứ tổ chức nào.

Điều 21:

1. Ai cũng có quyền tham gia vào việc quản lý của quốc gia mình, hoặc trực tiếp hoặc thông qua các đại biểu do mình tự do lựa chọn.

2. Ai cũng có quyền bình đẳng tham gia vào các dịch vụ công cộng ở quốc gia mình.

3. Ý chí của nhân dân phải được coi là căn bản của mọi quyền lực của quốc gia; ý chí này phải được thể hiện qua những cuộc bầu cử có định kỳ và trung thực, được tổ chức theo nguyên tắc bình đẳng, phổ thông đầu phiếu và bỏ phiếu kín, hay theo các thủ tục bầu cử tự do tương tự.

Điều 22: Với tư cách là một thành viên của xã hội, ai cũng có quyền được hưởng an sinh xã hội, cũng như được đảm bảo để thực hiện các quyền không thể thiếu được về kinh tế, xã hội và văn hóa, phẩm giá và sự phát triển tự do nhân cách cá nhân, nhờ những nỗ lực quốc gia, sự hợp tác quốc tế, và theo cách tổ chức cùng tài nguyên của quốc gia.

Điều 23:

1. Ai cũng có quyền được làm việc, được tự do lựa chọn việc làm, được hưởng những điều kiện làm việc công bằng và thuận lợi và được bảo vệ chống lại nạn thất nghiệp.

2. Mọi người được trả lương ngang nhau cho những công việc như nhau, không phân biệt đối xử.

3. Mỗi người làm việc đều được trả lương tương xứng và hợp lý, đủ để bảo đảm cho bản thân và gia đình một đời sống có đầy đủ giá trị nhân phẩm, và nếu cần, sẽ được trợ cấp bằng những biện pháp bảo hiểm xã hội khác.

4. Ai cũng có quyền thành lập nghiệp đoàn hay gia nhập nghiệp đoàn để bảo vệ quyền lợi của mình.

Điều 24: Ai cũng có quyền nghỉ ngơi và giải trí, được hưởng sự hạn định hợp lý số giờ làm việc và những ngày nghỉ phép định kỳ có trả lương.

Điều 25:

1. Ai cũng có quyền được hưởng một mức sống thích đáng, đủ cho phương diện sức khỏe và sự an lạc cho bản thân và gia đình bao gồm có đủ thức ăn, quần áo, nhà ở, y tế và những dịch vụ xã hội cần thiết; ai cũng có quyền được hưởng an sinh xã hội trong trường hợp thất nghiệp, đau ốm, tật nguyền, góa bụa, già yếu, hay gặp những thiếu thốn đời sống khác trong những hoàn cảnh vượt quá khả năng đối phó của họ.

2. Người mẹ và trẻ em được đảm bảo sự chăm sóc và giúp đỡ đặc biệt. Tất cả các con, dù là trong hay ngoài hôn nhân, đều được hưởng bảo trợ xã hội như nhau.

Điều 26:

1. Ai cũng có quyền được hưởng giáo dục. Giáo dục phải được miễn phí, ít nhất ở cấp cơ sở và tiểu học. Giáo dục tiểu học phải là bắt buộc. Giáo dục kỹ thuật và chuyên môn nhìn chung phải được mở rộng cho mọi người. Giáo dục cao đẳng phải là bình đẳng cho mọi người đều có thể tham gia tùy theo khả năng cá nhân.

2. Giáo dục phải nhằm để phát triển đầy đủ nhân cách, tăng cường sự tôn trọng đối với các quyền và những tự do cơ bản của con người. Giáo dục phải thúc đẩy sự hiểu biết, đề cao sự thông cảm, bao dung và hữu nghị giữa các quốc gia, các dân tộc, các cộng đồng sắc tộc hay tôn giáo, đồng thời hỗ trợ những hoạt động của Liên Hiệp Quốc trong việc duy trì hòa bình.

3. Cha mẹ có quyền ưu tiên được lựa chọn hình thức giáo dục cho con của mình.

Điều 27:

1. Ai cũng có quyền tự do tham gia vào đời sống văn hóa của cộng đồng, quyền được thưởng ngoạn nghệ thuật, được hưởng các tiến bộ khoa học và lợi ích của những tiến bộ ấy mang lại.